

Số: **88** /NQ-HĐT

Hà Nội, ngày **25** tháng **01** năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học công nghệ
Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2025**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 12/TTr-MĐC ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng về việc thông qua chủ trương ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ kết quả biểu quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày 24/01/2022 về việc ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc trường; viên chức, người lao động trong trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/h);
- HUMG E-OFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB₍₀₁₎.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

PGS.TS. Trần Xuân Trường

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
---***---

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

Hà Nội, 01/2022

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;
- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;
- Quyết định số 2955/QĐ-MĐC ngày 30/12/2016 của Trường Đại học Mở - Địa chất về việc ban hành Quy định đạo đức trong Nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Mở - Địa chất;
- Nghị định số 51/2019/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;
- Chương trình 03 “Đổi mới Khoa học - Công nghệ và Hợp tác quốc tế giai đoạn 2020 - 2025” ban hành theo công văn số 03-CTr/ĐU ngày 03/6/2020 của Đảng ủy Trường Đại học Mở - Địa chất;
- Quyết định số 28/QĐ-HĐT ngày 16/6/2020 về việc ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Mở - Địa chất;
- Quyết định số 1171/QĐ-MĐC ngày 12/11/2020 của Trường Đại học Mở - Địa chất về việc ban hành Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất;
- Nghị quyết số 45/ NQ-HĐT về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐH Mở - Địa chất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045;
- Nghị quyết của Hội đồng KHĐT Trường Đại học Mở - Địa chất ngày 24/3/2021 về việc xác định 06 định hướng ưu tiên trong NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2021-2025.

2. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

- Đến năm 2030: là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tự bảo đảm chi thường xuyên.
- Đến năm 2045: là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ hàng đầu trong khu vực, đạt chuẩn kiểm định quốc tế, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

2.2. Mục tiêu cụ thể về KHCN giai đoạn 2021 - 2025

- Số lượng nhóm nghiên cứu mạnh tối thiểu 6 nhóm.
- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCI/SCIE/SSCI/AHCI, Scopus bình quân hàng năm từ 100 bài trở lên. Tỷ lệ trung bình số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCI/SCIE/SSCI/AHCI, Scopus đối với mỗi giảng viên cơ hữu tối thiểu 0,2 bài/giảng viên/năm. Hàng năm tối thiểu 02 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, quyền tác giả được đăng ký thành công hoặc chấp nhận đơn.

- Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường mỗi năm tăng 2%. Đến năm 2025, tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường chiếm tối thiểu 15%.

- Phát triển tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI.

3. ĐỊNH HƯỚNG, NỘI DUNG GIẢI PHÁP

3.1. Quan điểm

- Huy động được tối đa nguồn lực, sự tham gia của mọi tổ chức, cá nhân trong hoạt động KHCN; Tăng tính chủ động của các đơn vị KHCN trong: (1) tổ chức, xây dựng và phát triển tiềm lực KHCN; (2) tìm kiếm, xây dựng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN; (3) chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH);

- Nhà trường định hướng, xây dựng cơ chế hoạt động, chính sách quản lý hoạt động KHCN, khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân trong Nhà trường tham gia NCKH, chuyển giao công nghệ; đồng hành, phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động KHCN;

- Nâng cao chất lượng của NCKH, tạo môi trường NCKH liên chính, lành mạnh.

3.2. Định hướng chung

- Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động KHCN, phát triển các đơn vị nghiên cứu;

- Tăng cường tiềm lực KHCN (kinh phí, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực);

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao kết quả NCKH, đăng ký SHTT, thông tin khoa học.

3.3. Nội dung, giải pháp cụ thể

- a. Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động khoa học công nghệ*

- Quy hoạch, phát triển các đơn vị KHCN trong Nhà trường: thành lập nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu;

- Ưu tiên đầu tư phát triển một số nhóm nghiên cứu mạnh phù hợp với định hướng ưu tiên trong NCKH của Nhà nước và nhu cầu xã hội, tiêu chuẩn Nhóm nghiên cứu mạnh cấp Quốc gia theo quy định, là hạt nhân để thành lập các viện nghiên cứu; Tập trung đầu tư cho các đơn vị có tiềm lực NCKH, công bố quốc tế, chuyển giao công nghệ;

- Cải tiến tổ chức hoạt động KHCN trong Trường theo các đơn vị KHCN (nhóm nghiên cứu/trung tâm nghiên cứu/viện nghiên cứu);

- Cải cách công tác quản lý hành chính về KHCN: chuyển đổi số công tác quản lý KHCN; thực hiện quy trình một cửa về KHCN tích hợp trong hệ thống quản lý của Nhà trường; thành lập Hội đồng liên chính khoa học.

b. Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ

- Trích kinh phí đầu tư cho KHCN theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP từ nguồn thu hợp pháp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để tăng cường đầu tư cho KHCN;

- Tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các phòng thí nghiệm, tập trung đầu tư vào các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu theo cơ cấu của đơn vị KHCN để phát huy hiệu quả sử dụng của trang thiết bị thí nghiệm. Gắn kết hoạt động của phòng thí nghiệm với các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu;

- Xây dựng chính sách khuyến khích đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu; Ưu tiên nâng cao năng lực NCKH cho đội ngũ cán bộ có độ tuổi dưới 40; Xây dựng cơ chế phù hợp để thu hút các chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế đến làm việc tại các viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu của Trường;

- Xây dựng chính sách và nguồn kinh phí hỗ trợ NCS để thu hút NCS đến học tập và nghiên cứu tại trường; Gắn kết đào tạo sau đại học với hoạt động NCKH tại viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu;

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ (chia sẻ rủi ro), khuyến khích đơn vị KHCN (viện, trung tâm, nhóm nghiên cứu), cá nhân tìm kiếm nguồn đề tài KHCN về trường thực hiện (tự thực hiện, chuyển giao cho người khác thực hiện khi đó người nhận thực hiện trích kinh phí chi trả cho người tìm kiếm), đồng thời tăng nguồn thu từ đề tài/nhiệm vụ KHCN để tái đầu tư.

- Xây dựng cơ chế đầu tư để phát triển các sản phẩm khoa học có thể chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp triển khai công nghệ đi cùng với tự chủ.

c. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao kết quả NCKH, đăng ký sở hữu trí tuệ

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư cho các đề tài nghiên cứu, dự án giải quyết những vấn đề cấp bách trong thực tiễn liên quan đến các lĩnh vực và hướng nghiên cứu chuyên sâu của Nhà trường, tạo ra sản phẩm KHCN có khả năng chuyển giao ngay sau khi thực hiện;

- Thành lập bộ phận chuyên trách chuyển giao kết quả NCKH và đăng ký SHTT; Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích đăng ký SHTT;

- Thành lập nhóm/tổ tiên phong từ các viện, nhóm nghiên cứu nhằm tiếp cận nhanh và giải quyết những vấn đề thời sự, cấp bách trong đời sống kinh tế - xã hội có liên quan đến các lĩnh vực nghiên cứu thế mạnh, triển khai ứng dụng KHCN của Nhà trường;

- Xây dựng hồ sơ năng lực của các đơn vị KHCN (Nhà trường, viện, trung tâm, nhóm nghiên cứu) trong Trường để tham gia tuyển chọn, đầu thầu đề tài, dự án khoa học công nghệ; Hệ thống hóa thông tin tiềm lực KHCN của các đơn vị nghiên cứu, kết quả đề tài NCKH trên Cổng thông tin điện tử.

d. Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học

- Tăng cường công tác truyền thông các hoạt động KHCN và kết quả nghiên cứu của Nhà trường; Nâng cao chất lượng tạp chí KHKT Mở - Địa chất đạt chuẩn ACI.

- Kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các Hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, nâng cao chất lượng của các Hội nghị với các ấn phẩm khoa học đi kèm.

- Xây dựng định mức thực hiện công bố khoa học (tác giả chính) trên các tạp chí quốc tế uy tín (SCI/SCIE/SSCI/AHCI/Scopus, tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất số tiếng Anh) đối với các đơn vị/giảng viên.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia KHCN.

4. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

TT	Tên công việc	Đơn vị phụ trách thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Kế hoạch thành lập Nhóm nghiên cứu giai đoạn 2022-2025	P. KHCN	Các khoa và bộ môn	2021	
2	Thành lập Hội đồng liên chính khoa học	P. TCCB	P. KHCN	2022	
3	Trích kinh phí cho hoạt động KHCN theo Nghị định 99/2014/ NĐ-CP	P. KHTC	P. KHCN	2022	
4	Ban hành quy định định mức thực hiện công bố khoa học (tác giả chính) trên các tạp chí quốc tế uy tín (SCI/SCIE/SSCI/AHCI/Scopus, tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất số tiếng Anh) đối với đơn vị/giảng viên	P. TCCB	P. KHCN	2022	
5	Thành lập bộ phận chuyên trách hỗ trợ đăng ký SHTT	P. KHCN	P. TCCB	2022	
6	Ban hành quy định khuyến khích tìm kiếm nguồn lực (đề tài) KHCN gắn với Viện/nhóm NC	P. KHCN	P. KHTC	2022	
7	Thành lập nhóm/tổ tiên phong từ các nhóm nghiên cứu trong hoạt động KHCN	P. KHCN	P. TCCB, NNC	2022-2025	
8	Hệ thống hóa thông tin tiềm lực KHCN của các đơn vị nghiên cứu, kết quả đề tài NCKH trên Công thông tin điện tử	P. KHCN	Khoa, Trung Tâm, Công ty, NNC	2022	

9	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí đào tạo NCS, gắn với nhóm nghiên cứu	P. ĐTSĐH	P. KHCN	2022	
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học công nghệ	P. KHCN	P. TCCB, Khoa	2022	
11	Quy trình một cửa về KHCN tích hợp trong hệ thống quản lý của Nhà trường	P. KHCN	P. HCTH	2023	
12	Sửa đổi Quy định Quản lý hoạt động KHCN: điều chỉnh cơ cấu đơn vị KHCN, tiêu chuẩn đánh giá nhóm nghiên cứu (đào tạo cán bộ trẻ, NCS, sản phẩm KHCN chuyển giao, sản phẩm SHTT, công bố quốc tế,...), chính sách ưu tiên đầu tư cho các đề tài nghiên cứu có sản phẩm ứng dụng/ chuyển giao, đề tài cho cán bộ trẻ dưới 40 tuổi	P. KHCN		2023	
13	Nâng cấp tạp chí KHKT Mở-Địa chất đạt chuẩn ACI	P. Xuất bản		2022	
14	Thành lập 01-02 Viện Nghiên cứu trực thuộc Trường trên cơ sở một số nhóm nghiên cứu	P. TCCB	P. KHCN	2025	